



Số: 07/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3 NĂM 2021**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA 3;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 21/06/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhất trí biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo của Ban điều hành. Riêng phần chi phí 71.391.018.932 đồng chưa đủ điều kiện quyết toán nên phải xem xét chờ xử lý do vậy không hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, các chỉ tiêu thông qua được điều chỉnh theo các phụ lục đính kèm như sau:

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 (Theo phụ lục 01 đính kèm).
- Kế hoạch SXKD năm 2021 (Theo phụ lục 02 đính kèm).

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021.

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, thanh toán cổ tức năm 2020:

Khi Ban Giám đốc đã có sự điều chỉnh việc hạch toán khoản chi 71.391.018.932 đồng trong kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, cụ thể: Năm 2020, Công ty cổ phần LILAMA 3 lỗ 72.827.258.001 đồng, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 (công ty mẹ) là âm 470.911.968.642 đồng. Vì vậy, năm 2020 Công ty cổ phần LILAMA3 không có nguồn trích lập bổ sung các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông.

5. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty để lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của công ty.



6. Thông qua Tờ trình mức lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký công ty năm 2021.

7. Thông qua tờ trình sửa đổi điều lệ công ty theo nghị định 116/2020 của Bộ Tài chính.

8. Thông qua tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ, quy chế HĐQT, Quy chế BKS theo nghị định 116/2020 của Bộ Tài chính.

9. Thông qua tờ trình danh sách bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026.

10. Thông qua kết quả bầu Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các ông bà sau:

1. Ông: Lưu Văn Kính
2. Ông: Nguyễn Quốc Khánh
3. Ông: Nguyễn Tiến Thành
4. Ông: Đinh Tiến Thành
5. Ông: Nguyễn Văn Thuyết

11. Thông qua kết quả bầu Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các ông bà sau:

1. Ông: Phạm Xuân Rạng
2. Ông: Hoàng Mạnh Quảng
3. Ông: Tạ Như Điền

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhất trí biểu quyết không thông qua Báo cáo tài chính năm 2020.

Trong đó không chấp thuận việc hạch toán khoản chi 71.391.018.932 đồng vào chi phí năm 2020 mà phải xem xét chờ xử lý trong thời gian hoàn thiện hồ sơ đảm bảo đủ điều kiện quyết toán theo quy định, việc hạch toán vào chi phí sẽ được xem xét chấp thuận khi có đủ hồ sơ quyết toán.

DHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo, giám sát và giao Ban Giám đốc chỉ đạo các bộ phận, phòng/ ban và cá nhân có liên quan khẩn trương thực hiện hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong năm 2021.

Điều 3.

Toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng thường niên 2021 đã được đọc trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông và được số cổ đông đại diện cho 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp tại Đại hội nhất trí thông qua.

Nghị quyết này được lập thành 11 bản, mỗi thành viên HĐQT, Ban kiểm soát giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn phòng, Tổ thư ký Công ty; 01 bản gửi Ủy ban chứng

010492

ÔNG T
ĐỒ PHẢ
LAM

LIÊM

khoán nhà nước, 01 bản gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra Nghị quyết được sao gửi các phòng và đơn vị có liên quan.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cổ đông Công ty cổ phần LILAMA 3 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Lưu Văn Kính



Phụ lục số 01 kèm theo nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCD
Một số chỉ tiêu Tài chính chủ yếu năm 2020 công ty mẹ - được điều chỉnh theo ý kiến HĐQT

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/ KH2020	TH 2020/ TH 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	110,105,258,555	101,372,164,860	73,400,705,123	72.4%	67%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02) trong đó:	110,105,258,555	101,372,164,860	73,400,705,123	72%	67%
- Doanh thu của các CT từ 2017 trở về trước	238,675,455	9,856,321,042	6,221,342,829		
- Doanh thu của các CT từ năm 2018 đến nay	109,866,583,100	91,515,843,818	67,298,014,660		
4. Giá vốn hàng bán	99,392,913,327	90,645,220,999	69,114,877,891	76%	70%
- Giá vốn của các CT từ 2017 trở về trước	181,356,218	8,032,668,618	8,177,046,552		
- Giá vốn của các CT từ năm 2018 đến nay	99,211,557,109	82,612,552,381	60,937,831,339		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	10,712,345,228	10,726,943,861	4,285,827,232	40%	
- LN của các CT cũ từ năm 2017 trở về trước	57,319,237	1,823,652,424	(1,955,703,723)		
- LN của các CT từ năm 2018 đến nay	10,655,025,991	8,903,291,437	6,360,183,321	71%	60%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,212,897,022	2,500,000	1,583,583	63%	0%
7. Chi phí tài chính	25,981,723,818	20,367,436,000	18,032,401,183	89%	69%
- Lãi vay DATC	18,271,884,880	18,153,436,000	14,915,754,410		
- Lãi vay BIDV	2,679,004,123	2,115,000,000	2,544,240,623		
- Lãi vay Các cá nhân đơn vị khác	288,373,822	99,000,000	312,666,384		
- Trích lập dự phòng Cty DNT	462,460,993		259,739,766		
- Trích lập dự phòng Công ty XD số 8 Thăng Long	4,280,000,000				
8. Chi phí bán hàng					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,809,127,024	13,790,477,298	11,745,974,197	85%	56%
- Chi phí phục vụ hoạt động SXKD	6,415,488,656	6,670,287,376	7,537,392,382		
+ Chi phí lương gián tiếp	3,347,740,861	3,420,630,000	3,824,953,622		
+ Chi phí lương HĐQT	252,000,000	252,000,000	252,000,000		

+ Chi phí BHXH	452,287,476	426,715,488	499,758,883		
+ Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CP trả nợ	818,485,529	1,138,669,161	1,370,254,858		
+ Chi phí bằng tiền khác: Thuê VP, Kiểm toán, CP VP	1,544,974,790	1,432,272,727	1,590,425,019		
- Chi phí Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	7,257,952,426				
- Chi phí Nhà máy Bạch Hạc không phục vụ SXKD	7,135,685,942	7,120,189,922	4,208,581,815		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	(34,865,608,592)	(23,428,469,437)	(25,490,964,565)		
11. Thu nhập khác	1,313,975,950	1,523,636,364	767,113,109	50%	58%
12. Chi phí khác	4,838,482,553	2,284,000,000	48,103,406,545	2106%	994%
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	(3,524,506,603)	(760,363,636)	(47,336,293,436)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	(38,390,115,245)	(24,188,833,073)	(72,827,258,001)		
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành					
17. Lợi nhuận sau Thuế TNDN(60=50-51-52)	(34,110,115,195)	(24,188,833,073)	(72,827,258,001)		



Phụ lục số 02 kèm theo nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCD

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021 - được điều chỉnh theo ý kiến ĐHĐCD

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tốc độ tăng trưởng(%)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	68,403	88,282	29,06%
2	Doanh thu chưa thuế	Tỷ VNĐ	73,400	82,921	12,9%
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	6,367	10,045	57,7%
4	Quỹ lương	Tỷ VNĐ	22,826	29,188	27,87%
5	LĐ SD bình quân	Người	237	270	13,9%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.VNĐ	8,023	8,424	5%
7	Đầu tư	Tỷ VNĐ	4,268	0	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(72,827)	(12,286)	
9	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	